

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty 91 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này và định kỳ hàng tháng gửi báo cáo tình hình về tiến độ triển khai và những khó khăn vướng mắc về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội
(ban hành kèm theo Quyết định số 12/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|---|---|---|---|
| I | VỀ THỨC ĐẨY SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU | | | | |
| 1 | Hoàn thành và triển khai thực hiện các chương trình, đề án đã được giao tại Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. | Cụ thể theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (đã ban hành theo Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP) | Cụ thể theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (đã ban hành theo Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP) | Cụ thể theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (đã ban hành theo Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP) | Cụ thể theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (đã ban hành theo Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP) |
| 2 | Các giải pháp tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ sản xuất nông, lâm, thủy sản, trước hết là việc tiêu thụ nông sản | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|--|--|---------------------|------------------------------------|
| | của một số ngành hàng có lượng hàng hóa lớn và sản xuất tập trung như: lúa gạo, thủy sản và một số nông sản khác nhằm duy trì phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. | | và các cơ quan liên quan | | |
| 3 | <p>Cơ chế, chính sách hỗ trợ tiền giống lúa, hoa màu, gia súc, gia cầm, thủy sản cho nông dân để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.</p> <p>Cơ chế, chính sách và giải pháp huy động các nguồn vốn, đẩy mạnh giải ngân để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho tu bổ hệ thống đê điều, cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, vùng neo đậu tàu thuyền tránh bão, hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, trồng rừng và khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.</p> | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-----------------|------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| 4 | <p>Đề án thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, trong đó bao gồm:</p> <p>a) Cơ chế, chính sách đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, nhất là thực phẩm, đồ uống, hàng dệt may, thuốc chữa bệnh; ưu tiên hỗ trợ ngành hàng sản xuất có lợi thế thay thế hàng nhập khẩu, sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, sử dụng nhiều lao động... như: các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, chế tạo, đóng tàu, phân bón... Hỗ trợ việc tiêu thụ một số sản phẩm công nghiệp đang tồn đọng như: thép, thép xây dựng, xi măng, phân bón, giấy, hóa chất;</p> <p>b) Chính sách hỗ trợ khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước sản xuất, chế tạo sản phẩm ngành công nghiệp đủ điều kiện thay thế hàng nhập khẩu.</p> | Bộ Công thương | Các Bộ, ngành và cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-----------------|-------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| | <p>c) Các giải pháp cụ thể cần thực hiện để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh đối với từng ngành hàng, mặt hàng có sức sản xuất lớn.</p> <p>d) Các giải pháp đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ các công trình, dự án đang dở dang, đặc biệt là các dự án lớn, dự án trọng điểm đã quá thời hạn hoàn thành thi công thuộc lĩnh vực năng lượng.</p> <p>đ) Các giải pháp liên quan khác.</p> | | | | |
| 5 | <p>Đề án đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu giai đoạn 2009 - 2010, trong đó bao gồm:</p> <p>a) Các chính sách, giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng cường tiếp xúc cấp cao để mở rộng thị trường, quan hệ buôn bán, vận động theo các kênh chính thức và</p> | Bộ Công thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Tháng 01 năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-----------------|------------------|---------------------|-------------------|
| | <p>không chính thức tạo chủ động trong việc ứng phó với chính sách bảo hộ mậu dịch, dỡ bỏ các rào cản thuế và phi thuế để tăng xuất khẩu;</p> <p>b) Cơ chế, chính sách khuyến khích tiêu dùng hàng nội địa; bổ sung, hỗ trợ nguồn kinh phí cho công tác xúc tiến xuất khẩu và khai thác thị trường nội địa;</p> <p>c) Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, giảm nhập siêu ở các thị trường có mức nhập siêu cao qua việc tận dụng lợi thế từ các Hiệp định khu vực mậu dịch tự do (FTA); thúc đẩy sớm việc ký kết các Hiệp định khu vực mậu dịch tự do ASEAN với Úc, New Zealand, Ấn Độ. Đồng thời, xúc tiến chuẩn bị đàm phán FTA với một số đối tác kinh tế quan trọng khác...</p> <p>d) Các giải pháp có liên quan khác.</p> | | | | |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|--------------------------|--|---------------------|------------------------------------|
| 6 | Tập trung nguồn lực, chỉ đạo quyết liệt, hoàn thành đúng tiến độ các công trình, dự án đang dở dang, đặc biệt là các dự án lớn, dự án trọng điểm đã quá thời hạn hoàn thành thi công, nhất là các dự án thuộc các lĩnh vực: đường cao tốc, sân bay, cảng biển, đường giao thông nông thôn. | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 7 | Hoàn thành đúng tiến độ các dự án xi măng, vật liệu xây dựng. Phương án sử dụng xi măng để thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư, tiêu dùng, bao gồm hai chương trình: vật liệu xây dựng không nung thay thế gạch đất sét nung; đường bê tông xi măng. | Bộ Xây dựng | Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 8 | Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia (thực hiện Luật chuyển giao công nghệ). | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|--------------------------|---|---------------------|------------------------------------|
| 9 | Chương trình quốc gia thúc đẩy năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam (thực hiện Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa). | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan | Quý II năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 10 | Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao (thực hiện Luật công nghệ cao). | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan | Quý III năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 11 | Đề án nâng cao hiệu quả công tác khai thác, chế biến, xuất khẩu và lưu thông các loại nguyên liệu như dầu mỏ, than đá và các khoáng sản khác có giá xuất khẩu hiệu quả nhất. | Bộ Công thương | Các Bộ, ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam, cơ quan, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 12 | Điều hành linh hoạt hoạt động buôn bán biên mậu theo hướng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu; cân đối nguồn nguyên liệu nhập khẩu và có chính sách khuyến | Bộ Công thương | Các Bộ, ngành, cơ quan, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|--|-------------------------------------|---------------------|------------------------------------|
| | khích gia công tăng kim ngạch xuất khẩu các ngành nghề sử dụng nhiều lao động và vật tư trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu theo phương thức giao hàng tại kho ngoại quan. Tăng cường chỉ đạo chống buôn lậu qua biên giới. | | | | |
| 13 | Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư công nghệ sau thu hoạch đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy, hải sản, nhất là hệ thống phơi sấy cho vụ hè thu hàng năm, hệ thống kho chứa lúa hàng hóa ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long và công nghệ chế biến... Hỗ trợ xây dựng các trung tâm tiếp thị và quản lý chất lượng nông sản ở các tỉnh có sản xuất hàng hóa nông sản lớn và tập trung. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 14 | Rà soát, tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh việc thực hiện các dự án du lịch quốc gia trọng điểm. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|---------------------------------|-------------------------------------|---------------------|--|
| | Xây dựng Quy chế hỗ trợ Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia và nguồn kinh phí hỗ trợ xúc tiến du lịch kế hoạch năm 2009. | | | | |
| 15 | Nâng cấp các sân bay tại các địa phương có các điểm du lịch quốc gia, đồng thời có biện pháp tăng chuyến bay để thu hút khách từ các thị trường có tiềm năng chi tiêu du lịch cao. | Bộ Giao thông vận tải | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 16 | Xem xét miễn thị thực nhập cảnh cho khách du lịch đối với các thị trường tiềm năng. | Bộ Ngoại giao | Bộ Công an và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 17 | Nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế; có các chương trình, sản phẩm mang đậm bản sắc Việt Nam để tăng tỷ lệ khách du lịch quay trở lại Việt Nam. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 18 | Quản lý và phát triển thị trường bất động sản | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Báo cáo của Chính phủ trình Bộ Chính trị |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-----------------------|--|---|------------------------------------|
| II | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP KÍCH CẦU ĐẦU TƯ VÀ TIÊU DÙNG | | | | |
| 1 | Xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành liên quan | Báo cáo tại phiên họp Chính phủ tháng 02 năm 2009 | Báo cáo Chính phủ và Quốc hội |
| 2 | Cho phép giải ngân số vốn ngân sách nhà nước còn lại của năm 2008 đến hết tháng 6 năm 2009. | Bộ Tài chính | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 3 | Nguồn vốn bố trí cho các dự án, công trình quan trọng, cấp bách nhưng chưa bố trí được nguồn vốn. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 4 | Cho phép tạm hoãn thu hồi các khoản vốn ngân sách nhà nước đã ứng trước kế hoạch năm 2009, trừ các khoản đã được tạm ứng năm 2009 để hoàn thành trong năm 2008. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Tháng 01 năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-----------------------|---|---------------------|---|
| 5 | Cho phép điều chỉnh tổng mức đầu tư đối với các dự án sử dụng nguồn trái phiếu chính phủ đã có trong danh mục được Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao; trên cơ sở đó thực hiện việc điều hòa vốn giữa các dự án, công trình và được thanh toán theo tiến độ. Đồng thời, cho phép tiếp tục giải ngân số vốn trái phiếu Chính phủ còn lại của năm 2008 đến hết tháng 6 năm 2009 (theo Văn bản số 195/UBTVQH12 ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 6 | Phương án phân bổ kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2009, trong đó ưu tiên cho các dự án trong Danh mục của Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Tháng 01 năm 2009 | - Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-----------------------|---|---------------------|------------------------------------|
| | các dự án cấp bách khác trong các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục để triển khai thực hiện. | | | | |
| 7 | Tạm ứng từ nguồn trái phiếu Chính phủ khoảng 1.500 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, tu bổ hệ thống đê điều; nâng cao năng lực tưới tiêu và phòng, chống lụt bão vùng đồng bằng sông Hồng. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương liên quan | Tháng 01 năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 8 | Các biện pháp nhằm tiếp tục thu hút và đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn FDI và ODA, nhất là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, có giá trị xuất khẩu lớn, những dự án giải quyết nhiều việc làm; phần đầu năm 2009 thực hiện việc giải ngân các nguồn vốn trên không thấp hơn mức thực hiện năm 2008. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|--|--|---------------------|------------------------------------|
| 9 | Xác định và trình Thủ tướng Chính phủ danh mục các công trình, dự án được lựa chọn hình thức đấu thầu (đấu thầu, chào thầu cạnh tranh hoặc chỉ định thầu,...) để Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện cũng như chất lượng các công trình dự án. | Các Bộ, ngành và cơ quan, địa phương liên quan | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Tháng 01 năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 10 | Cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án, công trình có quy mô lớn, công trình đầu tư hạ tầng quan trọng (cảng biển, điện, đường cao tốc, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế...). | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Các Bộ, ngành, địa phương và các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91 liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 11 | Đề án Quỹ nhà ở xã hội giai đoạn 2009 - 2015. | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-----------------------|--|---------------------|------------------------------------|
| 12 | Cơ chế, chính sách để bảo đảm khuyến khích đầu tư xây dựng nhà ở công nhân tại các khu công nghiệp. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 13 | Điều hành giá điện theo cơ chế thị trường | Bộ Công thương | Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 14 | Điều hành giá theo cơ chế thị trường đối với các mặt hàng: than, nước sạch, cước vận chuyển xe buýt,.... | Bộ Tài chính | Bộ Công thương và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 15 | Đề án phát triển hệ thống phân phối các mặt hàng thiết yếu, trong đó tập trung vào các mặt hàng: lương thực, xăng dầu, phân bón, sắt thép, xi măng và thuốc chữa bệnh. | Bộ Công thương | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 16 | Các biện pháp quản lý thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa và vệ sinh an toàn thực phẩm; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành, nhất là kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế, liên kết độc quyền nhằm thao túng thị trường và giá cả. | Bộ Công thương | Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|-----|---|-----------------|---|---------------------|---------------------------|
| 17 | Khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức các đợt hạ giá bán hàng để kích thích tiêu dùng, trước mắt là trong dịp Tết Nguyên đán 2009. | Bộ Công thương | Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| III | CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ | | | | |
| 1 | <p>a) Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>b) Giãn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 của các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói trên (70% số thuế còn lại sau khi giảm) và của các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử.</p> | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Thông tư của Bộ Tài chính |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-----------------|--|-----------------------------|---------------------------|
| 2 | Tạm hoàn 90% số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa thực xuất khẩu trong trường hợp doanh nghiệp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng và hoàn tiếp 10% khi có chứng từ thanh toán. | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Thông tư của Bộ Tài chính |
| 3 | Điều chỉnh thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số loại tài nguyên, khoáng sản. | Bộ Tài chính | Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan | Quý IV năm 2008 và năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 4 | Trình Chính phủ sửa đổi thuế suất thuế tài nguyên theo hướng hạn chế xuất khẩu, bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước. | Bộ Tài chính | Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan | Quý I năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |
| 5 | Điều chỉnh giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào của sản xuất, trong nước chưa sản xuất được hoặc có sản xuất nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh. Điều chỉnh tăng | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý IV năm 2008 và năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-----------------|---|---------------------|------------------------------------|
| | thuế trong khuôn khổ cam kết WTO, tạo điều kiện cho phát triển sản xuất trong nước, kiểm chế nhập siêu. | | | | |
| 6 | Giãn thời gian ân hạn nộp thuế đối với một số ngành hàng phù hợp với chu kỳ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (đóng tàu, sản xuất cơ khí...). Thực hiện tốt chính sách về ân hạn thời hạn nộp thuế nhập khẩu (275 ngày) đối với vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu. | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành liên quan | Quý I năm 2009 | Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính |
| 7 | Cải cách thủ tục xuất nhập khẩu, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, đơn giản hóa thủ tục hoàn thuế, quyết toán thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu. | Bộ Tài chính | Bộ Công thương và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Thông tư của Bộ Tài chính |
| 8 | Quy định rõ và phù hợp tỷ lệ phế liệu, phế phẩm thu được trong quá trình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu không phải chịu thuế nhập khẩu. | Bộ Tài chính | Bộ Công thương và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Thông tư của Bộ Tài chính |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------|---|
| 9 | Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân theo hướng hỗ trợ khó khăn cho một số đối tượng nộp thuế. | Bộ Tài chính | Các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội |
| 10 | Các biện pháp cụ thể để tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu và doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm như: tiếp tục xem xét, điều chỉnh giảm dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng; điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan | Quý IV năm 2008 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 11 | Nghiên cứu, hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện việc cho vay theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Nghị quyết số 23/2008/QH12 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-----------------------------|-----------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | ngày 06 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2009. | | | | |
| 12 | Thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn nợ và áp dụng các giải pháp xử lý nợ vay vốn ngân hàng cho các ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật đối với các hộ nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các cơ quan liên quan | Quý IV năm 2008 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 13 | Điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả; điều chỉnh linh hoạt tỷ giá ngoại tệ theo tín hiệu thị trường, khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu điều hành cán cân thanh toán quốc tế theo hướng không để thâm hụt. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các cơ quan liên quan | Quý IV năm 2008 và năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-----------------------------|---|-----------------------------|------------------------------------|
| 14 | Chỉ đạo các ngân hàng thương mại xem xét điều chỉnh áp dụng lãi suất cho vay của các hợp đồng tín dụng xuống phù hợp theo mức lãi suất hiện hành; không phạt do quá hạn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn. | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các cơ quan liên quan | Quý IV năm 2008 | Ban hành theo thẩm quyền |
| 15 | Thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm hỗ trợ tốt hơn cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm mới. | Bộ Tài chính | Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| IV | VỀ BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI | | | | |
| 1 | Triển khai các biện pháp hỗ trợ lương thực, chi phí sửa chữa nhà ở, phòng trừ dịch bệnh, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, bảo đảm không để xảy ra tình trạng người dân bị đói và nhanh chóng khôi phục sản xuất sau lũ, lụt. | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành, địa phương có liên quan | Quý IV năm 2008 và năm 2009 | Ban hành theo thẩm quyền |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-------------------------------------|---|---------------------|--|
| 2 | Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý IV năm 2008 | Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ |
| 3 | Đề án “Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững giai đoạn 2009 - 2015”. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công an, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng Chính sách Xã hội và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 4 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 về chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-------------------------------------|--|---------------------|---|
| 5 | Điều chỉnh tiền lương tối thiểu chung áp dụng trong năm 2009. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |
| 6 | Đề án “Chính sách nhà ở cho các đối tượng xã hội có nhu cầu giải quyết về nhà ở”. | Bộ Xây dựng | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Báo cáo của Chính phủ trình Bộ Chính trị |
| 7 | Tổ chức triển khai chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý IV năm 2008 | Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ |
| 8 | Thực hiện tăng thêm dự trữ quốc gia về lương thực (khoảng trên 150.000 tấn quy gạo) để chủ động cứu trợ cho người dân ở các vùng bị lũ, lụt. | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 9 | Tiếp tục thực hiện trợ cấp khó khăn cho người hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đời sống khó khăn, thu nhập thấp. | Bộ Nội vụ | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý IV năm 2008 | Quyết định số 169/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|-------------------------------------|--|---------------------|------------------------------------|
| 10 | Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình giảm nghèo, bố trí đủ vốn cho thực hiện chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, học sinh, sinh viên nghèo và các đối tượng chính sách khác. | Bộ Tài chính | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 11 | Các Bộ, ngành, địa phương huy động các nguồn lực xã hội và bố trí tăng ngân sách để phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho người lao động nông thôn, nhất là lao động thuộc hộ nghèo góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý I năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 12 | Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghi việc | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý II năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |
| 13 | Điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng đối với doanh nghiệp trong nước áp dụng trong năm 2010 | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý II năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|---|-------------------------------------|--|---------------------|------------------------------------|
| 14 | Điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng đối với doanh nghiệp FDI áp dụng trong năm 2010. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý II năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |
| 15 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 101/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm giai đoạn 2006 - 2010. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý II năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 16 | Điều chỉnh chuẩn nghèo giai đoạn 2006 - 2010 theo chỉ số trượt giá để thực hiện năm 2009 - 2010. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành, địa phương liên quan | Quý II năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 17 | Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 135/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về khiếu nại, tố cáo về lao động (bổ sung những hành vi vi phạm hành chính về bảo hiểm thất nghiệp). | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý IV năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |

| TT | Nội dung công việc | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Hình thức văn bản |
|----|--|--|--|---------------------|------------------------------------|
| 18 | Chính sách trợ cấp mất sức lao động. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý IV năm 2009 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ |
| 19 | Điều chỉnh tiền lương tối thiểu chung áp dụng trong năm 2010. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý IV năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |
| 20 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 36/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | Các Bộ, ngành và các cơ quan, địa phương liên quan | Quý IV năm 2009 | Nghị định của Chính phủ |
| V | VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN | | | | |
| | Theo chức năng được giao, các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP. | Các Bộ, ngành, địa phương, Tập đoàn kinh tế và các Tổng công ty 91 | | | |